



shì guān
事关

verb · to concern; to be related to

Example Sentences

Zhè jiàn shì guān nǐ de qián tú
这件事关你的前途。

This matter concerns your future.

Shì guān zhòng dà wǒ men bì xū xiǎo xīn chǔ lǐ
事关重大，我们必须小心处理。

It is of great importance; we must handle it carefully.

Trace each character, then write the word on your own.

事	事	事	事	事	事	事	事	事	事	事
关	关	关	关	关	关	关	关	关		